

Số: 320/QĐ-ĐNT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của nhóm nghiên cứu
Trường Đại học Ngoại ngữ-Tin học Thành phố Hồ Chí Minh**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ-TIN HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 616/Ttg ngày 26/10/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Ngoại ngữ-Tin học TP.HCM;

Căn cứ Thông tư số 22/2011/TT-BGDĐT ngày 30/5/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên;

Căn cứ Quyết định số 50/QĐ-ĐNT ngày 14/02/2020 của Hiệu trưởng trường Đại học Ngoại ngữ-Tin học TP.HCM về việc ban hành Quy chế hoạt động khoa học và công nghệ;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Khoa học-Hợp tác-Đào tạo Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về tổ chức và hoạt động của nhóm nghiên cứu tại Trường Đại học Ngoại ngữ-Tin học TP.HCM.

Điều 2. Trưởng ban Khoa học-Hợp tác-Đào tạo Sau đại học có trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị và cá nhân thuộc Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP.HCM thực hiện Quy định này.

Điều 3. Các Ông/Bà Trưởng Phòng, Ban, Khoa/Bộ môn, các đơn vị có liên quan, các giảng viên và nghiên cứu viên thuộc Trường Đại học Ngoại ngữ-Tin học TP.HCM chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./. *N*

Noi nhận:

- Văn phòng Đảng Ủy, HĐT (để b/c);
- Ban Giám hiệu;
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, Ban KH-HT-ĐTSĐH.



TS. Nguyễn Anh Tuấn

QUY CHẾ

Về việc tổ chức và hoạt động của nhóm nghiên cứu tại Trường Đại học Ngoại ngữ-Tin học Thành phố Hồ Chí Minh

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 320/QĐ-DNT, ngày 09/9/2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ-Tin học TP.HCM)

Chương 1

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về tổ chức và hoạt động của nhóm nghiên cứu (NNC) tại Trường Đại học Ngoại ngữ-Tin học Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là Trường), bao gồm: thành lập; tổ chức hoạt động và kết quả của NNC; trách nhiệm phối hợp của các đơn vị trong Trường và các cá nhân, tổ chức ngoài Trường; xử lý vi phạm và hiệu lực thi hành.

2. Quy định này áp dụng đối với các NNC của Trường, các thành viên thuộc Trường hoặc ngoài Trường có tham gia NNC tại Trường.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ

a. Danh mục ISI (Institute for Scientific Information): gồm các tạp chí khoa học được Viện Thông tin Khoa học Hoa Kỳ phân loại.

b. Danh mục Scopus: là danh mục các tạp chí khoa học do Elsevier phân loại.

c. ISSN (International Standard Serial Number): mã số chuẩn quốc tế cho xuất bản phẩm nhiều kỳ hoặc tạp chí; mã số này được công nhận trên mô toàn cầu.

d. ISBN (International Standard Book Number): mã số chuẩn quốc tế cho một quyển sách.

đ. Bài báo được tính điểm công trình: là bài báo về các kết quả nghiên cứu khoa học, được phản biện chấp nhận và được đăng toàn văn trên tạp chí khoa học thuộc danh mục được Hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước quy định tính điểm công trình.

e. Hội thảo quốc gia, quốc tế có uy tín: là hội thảo khoa học tổ chức định kỳ được một tạp chí khoa học hoặc một nhà xuất bản uy tín bảo trợ xuất bản.

Điều 2. Mục đích thành lập nhóm nghiên cứu

NNC được thành lập nhằm tạo điều kiện cho cán bộ của Trường thực hiện hoạt động khoa học, kỹ thuật và công nghệ (KHCN) và hướng đến các mục tiêu:

1. Gia tăng số đề tài nghiên cứu khoa học (NCKH), dự án triển khai ứng dụng các thành tựu KHCN phục vụ nhu cầu đào tạo tại Trường và thực tiễn sản xuất;
2. Phát triển số lượng và chất lượng các hội nghị, hội thảo, hợp tác khoa học, kỹ thuật phục vụ nghiên cứu ứng dụng KHCN và hoạt động đào tạo;
3. Gia tăng số công bố khoa học của Trường trên các tạp chí, các hội nghị, hội thảo khoa học có uy tín trong nước và trên thế giới;
4. Tăng số lượng các ấn phẩm giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo, và các nguồn học liệu khác nhằm phục vụ nhiệm vụ đào tạo và KHCN;
5. Phát triển nguồn nhân lực, vật lực và các sản phẩm nghiên cứu ứng dụng nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn về đào tạo, ứng dụng KHCN.

Điều 3. Ưu tiên hoạt động của nhóm nghiên cứu

NNC là tổ chức nghiên cứu, phát triển có vai trò quan trọng trong hoạt động KHCN của Trường, được Trường và các đơn vị trực thuộc ưu tiên tạo điều kiện hoạt động trên những lĩnh vực:

1. Thẩm định, phê duyệt thực hiện đề tài NCKH; dự án hợp tác nghiên cứu ứng dụng KHCN với đối tác trong và ngoài Trường;
2. Cung ứng cơ sở vật chất, hỗ trợ kinh phí hoặc vay vốn để xúc tiến nghiên cứu và sản xuất thử nghiệm các sản phẩm có tính ứng dụng cao, có hiệu quả thiết thực;
3. Hỗ trợ nhân lực, thủ tục và phương tiện để nhóm chủ động triển khai hoạt động.

Chương 2

TỔ CHỨC QUẢN LÝ NHÓM NGHIÊN CỨU

Điều 4. Điều kiện thành lập nhóm nghiên cứu

NNC gồm những giảng viên, nghiên cứu viên có năng lực nghiên cứu khoa học và tham gia đào tạo; nhóm được thành lập khi đáp ứng những điều kiện sau:

1. Có ít nhất 05 thành viên, trong đó có một trưởng nhóm. Trưởng nhóm và ít nhất một nửa số thành viên của NNC phải là cán bộ cơ hữu của Trường.

2. NNC kể cả NNC-Giảng dạy hoặc NNC Khởi nghiệp-Đổi mới sáng tạo không là đơn vị hành chính; làm việc tự nguyện theo kế hoạch khối lượng công việc và hưởng thù lao theo kết quả sản phẩm của nhóm; thời gian hoạt động là 03 năm và có thể được gia hạn nhưng tổng thời gian hoạt động kể cả gia hạn không quá 05 năm.

3. Có hướng nghiên cứu phù hợp với định hướng KHCN của Trường, có kế hoạch hoạt động, khả năng tạo ra sản phẩm nghiên cứu cụ thể; có đề tài NCKH; chương trình hợp tác KHCN và đào tạo với các đơn vị trong hoặc ngoài Trường.

4. Có cam kết cụ thể với Trường về những sản phẩm nghiên cứu cần đạt được trong thời gian hoạt động của nhóm. Trong đó, mỗi năm có ít nhất 01 bài báo được đăng trên tạp chí ISI hay Scopus, hoặc ít nhất 02 bài trên tạp chí trong hay ngoài nước có điểm công trình mỗi bài từ 1,0 trở lên; xuất bản ít nhất một đầu sách chuyên khảo, giáo trình, sách hoặc tài liệu tham khảo; có tham gia hướng dẫn tốt nghiệp đại học, sau đại học.

5. Được Thường trực Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường xem xét, thông qua bản đăng ký và đề nghị Hiệu trưởng lập hội đồng thẩm định thành lập nhóm.

Điều 5. Thành viên nhóm nghiên cứu

Thành viên của NNC của Trường phải đáp ứng các điều kiện:

1. Trình độ thạc sĩ trở lên, có năng lực nghiên cứu tương đối độc lập, có nguyện vọng nghiên cứu khoa học theo định hướng của nhóm;

2. Tự nguyện tham gia NNC, có khả năng thực hiện chủ động hoạt động khoa học, tham gia đào tạo, và khả năng tạo lập sản phẩm khoa học của nhóm;

3. Tác giả chính của ít nhất 01 bài báo đã công bố trên tạp chí hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo toàn quốc có chỉ mục ISSN hoặc ISBN về ngành hoặc chuyên ngành phù hợp với hướng nghiên cứu của nhóm;

4. Tham gia không quá 02 NNC và chỉ đảm nhận trưởng nhóm của 01 NNC;

5. Nếu không là cán bộ cơ hữu của Trường thì cần có sự cam kết tự chịu trách nhiệm về nhân thân của thành viên khi tham gia NNC tại Trường.

Điều 6. Trưởng nhóm nghiên cứu

Ngoài các điều kiện về thành viên NNC, trưởng NNC phải đáp ứng các yêu cầu:

1. Cán bộ cơ hữu của Trường có trình độ tiến sĩ trở lên thuộc lĩnh vực nghiên cứu của nhóm, có thể là thạc sĩ giảng viên chính nếu là NNC-Giảng dạy; có khả năng thu hút chuyên gia, sinh viên đại học, học viên sau đại học tham gia nhóm, thực hiện khóa luận, đồ án, luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ;

2. Chủ nhiệm của ít nhất một đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường trở lên, tác giả chính của ít nhất 01 bài báo ISI hay Scopus, hoặc 03 bài trên các tạp chí chuyên ngành phù hợp với hướng nghiên cứu của nhóm;

3. Có năng lực định hướng, quản lý và điều hành triển khai hướng nghiên cứu của nhóm; có khả năng dẫn dắt thành viên NNC hoạt động và tạo lập sản phẩm của nhóm; có khả năng tìm nguồn hợp tác, tài trợ cho các hoạt động của NNC.

Điều 7. Đăng ký thành lập nhóm nghiên cứu

Khi đáp ứng các tiêu chuẩn tại Điều 4, Điều 5 và Điều 6 của Quy định này, người đăng ký thành lập NNC cần chuẩn bị và nộp thủ tục hồ sơ gồm:

1. Bản Đăng ký thành lập NNC, trong đó nêu rõ hướng nghiên cứu, các thành viên của nhóm, cam kết về sản phẩm nghiên cứu và tổng điểm công trình; chi tiết như mẫu Đăng ký trong phần Phụ lục của Quy định này.

2. Lý lịch khoa học trong 05 năm gần nhất của các thành viên tham gia NNC.

Điều 8. Tuyển chọn thành lập nhóm nghiên cứu

1. Việc thành lập NNC phải đảm bảo hướng nghiên cứu của các nhóm không trùng lặp nhau và phù hợp với định hướng nghiên cứu đã xác định trong *Quy chế hoạt động khoa học công nghệ*¹ của Trường. Hướng nghiên cứu cần được cụ thể hóa và phân loại theo ISI, Scopus hay theo danh mục của Hội đồng Chức danh Giáo sư Nhà nước, xem tại <https://sta.huflit.edu.vn> mục Hướng dẫn tính điểm công trình.

2. NNC đáp ứng các tiêu chuẩn tại Điều 4, Điều 5 và Điều 6 của Quy định này được thẩm định và tuyển chọn dựa trên tính mới, tính sáng tạo của hướng nghiên cứu, số lượng các sản phẩm cam kết và tổng số điểm công trình như trình bày trong thủ tục đăng ký thành lập nhóm, tham khảo Hướng dẫn tính điểm công trình trên sta.huflit.edu.vn.

3. Trong việc xét tuyển chọn, nếu có nhiều NNC có cùng lĩnh vực hoặc có cùng hướng nghiên cứu thì NNC nào có tổng số điểm công trình cao hơn sẽ được ưu tiên chọn thành lập NNC. Nếu có cùng tổng số điểm công trình đối với các sản phẩm, công trình cam kết, NNC nào có thành viên tham gia từ các khoa khác nhau, có thành viên ngoài Trường hoặc thành viên nước ngoài tham gia được ưu tiên chọn thành lập NNC.

Điều 9. Quy trình thành lập nhóm nghiên cứu

1. Hàng năm căn cứ kế hoạch chiến lược phát triển các hướng nghiên cứu, Trường có thông báo đăng ký thành lập NNC và kinh phí hỗ trợ hoạt động các NNC.

¹ Các cụm từ in nghiêng là tên văn bản tương ứng đã ban hành và đăng tại website <https://sta.huflit.edu.vn>

2. Các cán bộ cơ hữu của Trường có nhu cầu đăng ký thành lập NNC thực hiện những yêu cầu như thông báo của Trường và hoàn thành các thủ tục hồ sơ trong Điều 7 của Quy định này.

3. Hồ sơ đăng ký của NNC được một hội đồng do Hiệu trưởng triệu tập để thẩm định tuyển chọn và đề nghị Hiệu trưởng xem xét, quyết định thành lập.

Điều 10. Trách nhiệm, quyền hạn của trưởng nhóm nghiên cứu

Trưởng NNC thực hiện nhiệm vụ tổ chức, quản lý NNC tương tự chức năng của trưởng khoa về quản lý các hoạt động KHCN, cụ thể:

1. Ký hợp đồng cam kết với Trường về kế hoạch hoạt động, số lượng và chất lượng sản phẩm cần đạt của nhóm qua từng thời kỳ nhằm đảm bảo kế hoạch tổng sản phẩm đã đăng ký của nhóm, xem Phụ lục I của Quy định này;

2. Xây dựng kế hoạch triển khai hoạt động và dự toán kinh phí hoạt động của NNC theo quy định tài chính của Trường, báo cáo kết quả hoạt động của nhóm và thanh quyết toán kinh phí được phê duyệt hàng năm với Trường;

3. Phân công nhiệm vụ và kiểm tra, đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ của các thành viên thuộc NNC;

4. Kiến nghị Nhà trường và các đơn vị liên quan tạo điều kiện về thời gian và cơ sở vật chất đối với hoạt động của nhóm;

5. Định kỳ báo cáo kết quả hoạt động và giao nộp các sản phẩm nghiên cứu như đã cam kết, đề xuất kế hoạch tiếp theo hoặc kết thúc hoạt động của nhóm;

6. Chủ động tổ chức khai thác kết quả nghiên cứu và đề nghị Trường tạo điều kiện chuyên giao kết quả nghiên cứu, triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu của nhóm;

7. Đề xuất thay đổi thành viên tham gia NNC nhằm đảm bảo kế hoạch hoạt động đã đăng ký của nhóm;

8. Thực hiện Luật Sở hữu trí tuệ và được hưởng quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật Nhà nước.

Điều 11. Trách nhiệm và quyền hạn của thành viên nhóm nghiên cứu

Thành viên NNC có trách nhiệm và quyền hạn:

1. Thực hiện các hoạt động nghiên cứu theo phân công của trưởng NNC;

2. Chịu trách nhiệm trước Trường và trưởng NNC về các hoạt động được phân công;

3. Thực hiện Luật Sở hữu trí tuệ và được hưởng quyền sở hữu trí tuệ theo quy định.

Điều 12. Thay đổi thành viên của nhóm nghiên cứu

1. Việc bổ sung, thay đổi thành viên của NNC chỉ được thực hiện trong 2/3 thời gian hoạt động ban đầu của nhóm, phải được trưởng nhóm và Hiệu trưởng đồng ý.
2. Thành viên khi rút khỏi NNC cần thông báo cho trưởng nhóm ít nhất 60 ngày, và phải hoàn tất và bàn giao kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao với trưởng nhóm.

Chương 3

HOẠT ĐỘNG VÀ SẢN PHẨM CỦA NHÓM NGHIÊN CỨU

Điều 13. Kế hoạch hoạt động của nhóm nghiên cứu

1. Sau khi có quyết định thành lập, căn cứ nội dung đăng ký, NNC trình kế hoạch và dự toán kinh phí cho toàn thời gian hoạt động của nhóm để trình Hiệu trưởng xem xét, phê duyệt thực hiện.
2. Căn cứ kế hoạch và kinh phí cấp cho thời gian hoạt động của nhóm, hàng năm NNC lập kế hoạch hoạt động, kế hoạch sản phẩm và dự toán kinh phí hoạt động trong năm của nhóm phù hợp với tổng kinh phí đã được duyệt và quy định sử dụng kinh phí KHCN tại Trường, xem *Quy định về sử dụng kinh phí trong hoạt động KHCN*.

3. Kết thúc từng năm hoạt động, NNC phải báo cáo về kết quả hoạt động, sản phẩm và tổng số điểm công trình đạt được từ hoạt động của nhóm trong năm; đề xuất kế hoạch của nhóm trong năm kế tiếp.

Điều 14. Sản phẩm của nhóm nghiên cứu

1. NNC thực hiện sản phẩm KHCN thông qua các hình thức:
 - a. Đề tài hoặc dự án nghiên cứu khoa học, kỹ thuật và công nghệ;
 - b. Chủ trì tổ chức hoặc tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học công nghệ;
 - c. Hướng dẫn người học bảo vệ thành công khóa luận, đồ án, luận văn, luận án;
 - d. Bài báo công bố trên tạp chí thuộc danh mục ISI, Scopus, ESCI, SSCI, AHCI,...
 - e. Bài báo công bố trên các tạp chí ngành, chuyên ngành trong nước thuộc danh mục quy định của Hội đồng Chức danh Giáo sư Nhà nước;
 - f. Bài báo cáo được phản biện và đăng toàn văn trong các kỷ yếu hội thảo, hội nghị khoa học chuyên ngành quốc gia, quốc tế có uy tín;
 - g. Sách chuyên khảo, giáo trình, sách hoặc tài liệu tham khảo được xuất bản;
 - h. Những công trình, sản phẩm khác như: bằng sáng chế, bằng giải pháp hữu ích, tài sản trí

tuệ khác.

2. Sản phẩm của NNC phải đáp ứng các yêu cầu:

a. Có chủ đề phù hợp hướng nghiên cứu của nhóm. Bài báo công bố trên các tạp chí, báo cáo đăng toàn văn trong kỳ yếu hội nghị, hội thảo khoa học cần được phân loại theo hệ danh mục ISI, Scopus hoặc quy định của Hội đồng Chức danh Giáo sư Nhà nước.

b. Tác giả chính của bài báo, báo cáo khoa học, chủ biên sách chuyên khảo, sách giáo trình, tài liệu tham khảo, phải là thành viên của NNC, ghi rõ địa chỉ email và nơi thực hiện là Trường Đại học Ngoại ngữ-Tin học Thành phố Hồ Chí Minh. Thực hiện những án phẩm này, tác giả và các đồng tác giả phải tuân thủ Luật Sở hữu trí tuệ và *Quy định về chuẩn mực đạo đức trong hoạt động KHCN tại Trường*.

c. Sản phẩm phải được thực hiện trong thời gian hoạt động của NNC và thông báo công khai trên cổng thông tin điện tử sta.huflit.edu.vn. Nếu bài báo được công bố dưới dạng điện tử thì phải ghi rõ địa chỉ và thời điểm ban đầu bài báo được đăng tải.

d. Sản phẩm phải có tính mới và hữu dụng.

3. Tổng điểm công trình của các sản phẩm đạt được của NNC trong từng thời kỳ là chỉ số đánh giá kết quả của NNC về thời kỳ đó. Chỉ số này được tính theo quy định tính điểm công trình như trình bày tại Phụ lục II của Quy định này.

Điều 15. Hỗ trợ hoạt động và kinh phí của nhóm nghiên cứu

1. Trường tạo điều kiện về cơ sở vật chất và thời gian, xét duyệt cấp kinh phí hỗ trợ hoạt động hàng năm của NNC theo Khoản 2 Điều này. NNC có thể huy động, tiếp nhận kinh phí tài trợ từ bên ngoài Trường để tiến hành hoạt động của nhóm.

2. Trường đã ban hành các quy định liên quan đến các hoạt động KHCN và kinh phí hỗ trợ tại địa chỉ sta.huflit.edu.vn. Kế hoạch tổ chức, hoạt động và công bố kết quả của NNC cần tham khảo Phụ lục I và II của Quy định này, cụ thể:

a. Đề tài, dự án nghiên cứu khoa học, kỹ thuật và công nghệ

- Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường thực hiện theo *Quy định về đề tài NCKH cấp Trường*; đề tài nghiên cứu-giảng dạy, đề tài khởi nghiệp-đổi mới sáng tạo cấp Trường có cùng dạng thức đăng ký như đề tài cấp Trường, nhưng cần thuyết minh về đặc điểm, mục tiêu và sản phẩm nghiên cứu. Nếu có dự toán kinh phí vượt quy định, NNC phải thuyết minh để được thẩm định và trình Hiệu trưởng xem xét, phê duyệt.

- Đề tài hợp tác nghiên cứu, triển khai ứng dụng, hoặc chuyển giao công nghệ với các đối tác ngoài Trường được tiến hành thông qua hợp đồng KHCN giữa Trường với đối tác kèm thuyết minh cụ thể về nội dung, mục tiêu và kế hoạch thực hiện. NNC cần tham khảo quy định

hợp tác trong hoạt động khoa học công nghệ của *Quy chế hoạt động KHCN tại Trường* khi thực hiện đề tài hợp tác với đơn vị ngoài Trường.

- Đề tài cấp Tỉnh/ Thành, cấp Bộ, cấp Nhà nước được thực thi theo quy định của cấp quản lý đề tài. Trường tạo điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất để NNC tham gia hoặc chủ trì nghiên cứu các đề tài thuộc dạng này.

- Hoàn thành nhiệm vụ đề tài NCKH trong năm nào, các thành viên tham gia đề tài được tính giờ chuẩn NCKH cho năm đó theo mức quy đổi giờ chuẩn NCKH từ đề tài KHCN đã định trong *Quy định về thời gian hoạt động KHCN đối với CBGV Trường*.

b. Chủ trì tổ chức hoặc tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học

- NNC có thể đề xuất tổ chức hội nghị, hội thảo theo quy định của *Quy chế hoạt động KHCN tại Trường*, kinh phí hỗ trợ như đã nêu tại *Quy định về sử dụng kinh phí trong hoạt động KHCN*.

- Thành viên NNC là cán bộ của Trường được đăng ký và hỗ trợ kinh phí tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học tổ chức ở trong và ngoài nước, chi tiết tham khảo tại *Quy định về việc cử đi tham dự hội nghị, hội thảo và hỗ trợ kinh phí chuyển đổi với CBGV Trường*. Các trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng xem xét, quyết định.

d. Công bố kết quả nghiên cứu thông qua các bài báo và báo cáo khoa học

- Tác giả hoặc các đồng tác giả căn cứ các quy định về thể thức trình bày bài báo của các tạp chí hoặc bài báo cáo trong kỹ yếu hội thảo, hội nghị khoa học để soạn thảo và gửi đăng kết quả nghiên cứu. Nếu bài báo là để thực hiện công bố sản phẩm của nhóm, chi phí đăng bài có thể được trích hoặc được hỗ trợ từ kinh phí nghiên cứu đề tài, dự án của NNC.

- NNC cần gửi đăng các bài báo hoặc báo cáo khoa học đến các tạp chí hoặc kỹ yếu hội thảo, hội nghị uy tín để nhận được nhận xét của các phản biện, đánh giá cụ thể về điểm công trình và được thưởng như thông báo trong *Quy định về sử dụng kinh phí trong hoạt động KHCN tại Trường*.

- Bài báo, báo cáo khoa học được công bố trong năm nào, tác giả hoặc đồng tác giả được tính giờ chuẩn NCKH cho năm đó theo mức quy đổi giờ chuẩn NCKH từ bài báo, báo cáo khoa học đã được nêu rõ trong *Quy định về thời gian hoạt động KHCN đối với CBGV Trường*.

đ. Xuất bản sách chuyên khảo, sách giáo trình, tài liệu tham khảo

- Căn cứ nhu cầu trao đổi thông tin KHCN, nhu cầu giảng dạy, học tập các môn học liên quan đến hoạt động của NNC, nhóm có thể tổ chức biên soạn sách chuyên khảo, giáo trình hoặc sách tham khảo. Việc tổ chức biên soạn và thẩm định sách, giáo trình để xuất bản phải tuân thủ Luật Xuất bản và *Quy chế hoạt động KHCN tại Trường*. Thủ lao biên soạn, thẩm định,

điều hành và kinh phí hỗ trợ xuất bản sách, tài liệu đã nêu tại *Quy định về sử dụng kinh phí trong hoạt động KHCN*. Các sách, giáo trình đã biên soạn, xuất bản đạt chất lượng khá, tốt được Trường quyết định khen thưởng.

- Sách chuyên khảo, giáo trình, sách tham khảo đã xuất bản trong năm nào, tác giả hoặc đồng tác giả được tính giờ chuẩn NCKH cho năm đó theo mức quy đổi giờ chuẩn NCKH từ xuất bản sách, tài liệu đã xác định trong *Quy định về thời gian hoạt động KHCN đối với CBGV Trường*.

e. Các công trình, sản phẩm về sáng kiến, sáng chế, sở hữu trí tuệ

- Trường tạo điều kiện để các thành viên của NNC thực hiện nghiên cứu, sáng tạo và tạo lập những sản phẩm hoàn chỉnh để ứng dụng vào các lĩnh vực của đời sống xã hội. Các sản phẩm này có thể là những sáng kiến, sáng chế, hay các thành phẩm khoa học thuộc lĩnh vực tài sản trí tuệ cần được bảo hộ bởi Luật Sở hữu trí tuệ.

- Đơn vị quản lý KHCN của Trường có trách nhiệm hỗ trợ các NNC và thành viên là tác giả có sản phẩm trí tuệ lập hồ sơ đăng ký chứng nhận quyền sở hữu trí tuệ, gồm quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp,..

- Các thành viên NNC và các đối tác thụ hưởng quyền sở hữu trí tuệ có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các cam kết với Trường về sản phẩm trí tuệ và các điều khoản đã nêu trong *Quy định về Sở hữu trí tuệ tại Trường*.

3. Các khoản kinh phí chi thù lao điều hành hoạt động của NNC, văn phòng phẩm, photo tài liệu, chi bồi dưỡng lao động và thành viên NNC, đều được dự toán và thanh quyết toán theo kế hoạch tổ chức, quản lý các hoạt động của NNC.

- Nếu có phát sinh kinh phí vượt mức qui định khi thực hiện các hoạt động trong Khoản 2 Điều này, trưởng NNC phải báo cáo, giải trình cụ thể bằng văn bản để đơn vị quản lý liên quan xem xét và trình Hiệu trưởng quyết định.

- Trường hợp có nhu cầu hợp tác với đơn vị ngoài Trường để triển khai ứng dụng hay sản xuất thử nghiệm sản phẩm, trưởng NNC lập kế hoạch chi tiết gửi đơn vị quản lý KHCN và đơn vị quản lý kế hoạch-tài chính kiểm tra và để trình Hiệu trưởng xem xét, quyết định.

Điều 16. Đánh giá định kỳ hoạt động của nhóm nghiên cứu

1. Trường tổ chức đánh giá hoạt động của NNC qua những nội dung:

- a. Tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ của nhóm;
- b. Sản phẩm đạt được và số điểm công trình so với kế hoạch đăng ký;
- c. Thanh quyết toán kinh phí đã chi dụng so với dự toán được duyệt;

- d. Kế hoạch, kinh phí (nếu có) cho thời gian hoạt động tiếp theo của nhóm;
 - d. Tổng hợp kết quả hoạt động và các đề xuất, kiến nghị của nhóm.
2. Bản tổng hợp kết quả hoạt động của NNC trình bày theo mẫu tại Phụ lục I của Quy định này, trong đó xác định rõ kết quả thực hiện so với kế hoạch đã đăng ký trong năm của NNC, gồm: tỉ lệ hoàn thành các hoạt động khoa học và đào tạo ở phần A; tổng điểm sản phẩm, công trình đã đạt được ở phần B của bản báo cáo.
- Lưu ý:* Thành viên NNC phải khai báo kết quả hoạt động KHCN trên mục thông tin cá nhân của mình tại cổng thông tin www.sta.huflit.edu.vn. Khi được thành lập, trưởng NNC thực hiện quản lý hoạt động của các thành viên NNC tại trang thông tin của cổng này.
3. NNC được xem là cơ bản hoàn thành kế hoạch trong năm nếu: hoàn thành ít nhất 75% kế hoạch hoạt động và sản phẩm đã đăng ký từ đầu năm; thanh quyết toán toàn bộ kinh phí ứng với kế hoạch đạt được trong năm. Khối lượng công việc và kinh phí chưa hoàn tất của năm đó được chuyển sang thực hiện trong năm tiếp theo.

Nếu không đáp ứng được yêu cầu nêu trên mà không có lý do chính đáng, NNC có thể bị buộc phải chấm dứt hoạt động theo Khoản 4 Điều 18 Quy định này.

Điều 17. Đánh giá hoạt động cuối kỳ của nhóm nghiên cứu

1. Cuối kỳ hoạt động, NNC thực hiện báo cáo tổng kết theo các nội dung tương tự tại Khoản 1 Điều 16 cho toàn bộ thời gian hoạt động của nhóm. Bản tổng hợp báo cáo hoạt động cuối kỳ, theo mẫu tại Phụ lục I của Quy định này, khẳng định các kết quả khoa học đào tạo và tổng điểm sản phẩm đạt được trong thời kỳ hoạt động của NNC.

2. Báo cáo tổng kết đính kèm minh chứng của NNC gửi đơn vị quản lý KHCN của Trường để lập thủ tục trình Hiệu trưởng thành lập hội đồng đánh giá nghiệm thu kết quả hoạt động của nhóm.

Điều 18. Phân loại kết quả hoạt động của nhóm nghiên cứu

1. Điểm công trình của NNC là tổng điểm công trình, sản phẩm đạt được của nhóm tích lũy qua từng thời kỳ hoạt động. Điểm số này phản ánh chất lượng kết quả hoạt động đối với toàn bộ thời gian hoạt động của nhóm, là cơ sở đánh giá và phân loại NNC.

2. Kết quả hoạt động đối với các khoản nêu trong phần A Phụ lục I là bắt buộc phải đạt. Kết quả này phản ánh trách nhiệm và nghĩa vụ của NNC đối với hoạt động khoa học và đào tạo của Trường. Nếu kết quả chưa đạt trong năm trước thì phải bổ sung thực hiện trong năm kế tiếp. Nếu vẫn chưa đạt khi tổng kết toàn thời gian hoạt động của nhóm, điểm công trình của NNC bị trừ bớt 1,5 điểm.

3. Hoạt động của NNC trong 03 năm đầu được phân loại cuối kỳ như sau:

- a. NNC mạnh: nếu có điểm công trình của nhóm trên 12,0;
 - b. NNC khá: nếu có điểm công trình từ 9,0 đến dưới 12,0;
 - c. NNC tiềm năng: nếu điểm công trình từ 5,0 đến dưới 9,0;
 - d. NNC ít tiềm năng: nếu điểm công trình từ 4,0 đến dưới 5,0;
 - đ. NNC không có tiềm năng: nếu điểm công trình bé hơn 4,0;
4. NNC tiềm năng, hay ít tiềm năng được gia hạn thời gian hoạt động, không quá 2 năm. Các NNC không có tiềm năng bị buộc phải ngưng hoạt động.
5. NNC khá, NNC mạnh được Trường ưu tiên tuyển chọn khi đăng ký tiếp kế hoạch hoạt động, và được tạo điều kiện tối đa để duy trì và phát triển hoạt động của nhóm.

Chương 4

TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP CỦA CÁC TỔ CHỨC

Điều 19. Đơn vị quản lý khoa học công nghệ

Đơn vị quản lý khoa học công nghệ có trách nhiệm giúp Hiệu trưởng chỉ đạo và quản lý hoạt động của các NNC, cụ thể gồm:

- 1. Xây dựng kế hoạch thành lập các NNC của Trường, trình Hiệu trưởng phê duyệt;
- 2. Tổ chức các hội đồng tuyển chọn, đề xuất Hiệu trưởng thành lập các NNC;
- 3. Hướng dẫn các NNC xây dựng kế hoạch hoạt động và cam kết về sản phẩm;
- 4. Kiểm tra, xác nhận kinh phí do trưởng NNC đề xuất dự trên kế hoạch hoạt động của nhóm; xác định kết quả sản phẩm của NNC qua từng thời kỳ và số điểm công trình đạt được của nhóm để trình Hiệu trưởng phê duyệt;
- 5. Đề xuất đánh giá, tổng kết về hiệu quả của NNC trong toàn bộ thời gian nhóm được phép hoạt động tại Trường.

Điều 20. Đơn vị quản lý kế hoạch-tài chính

Đơn vị quản lý kế hoạch-tài chính có nhiệm vụ:

- 1. Hướng dẫn các NNC lập dự toán, đề xuất Hiệu trưởng phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ toàn thời gian hoạt động và dự toán kinh phí hàng năm của nhóm;
- 2. Kiểm soát chi thu, tạm ứng, và thanh quyết toán đối với các khoản kinh phí hỗ trợ hoạt động của các NNC.

Chương 5

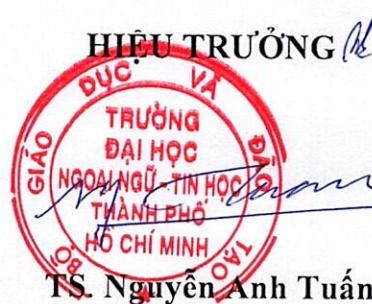
XỬ LÝ VI PHẠM VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Chấm dứt hoạt động của nhóm nghiên cứu

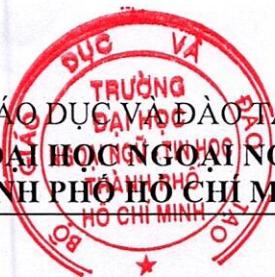
1. Các NNC có thể đề xuất chấm dứt hoạt động vì lý do riêng hoặc có thể bị buộc chấm dứt hoạt động do vi phạm quy định, quy chế của Trường hay của Nhà nước.
2. Các NNC khi chấm dứt hoạt động phải hoàn trả kinh phí hỗ trợ của Nhà trường, các khoản kinh phí hỗ trợ/tài trợ khác (nếu có). Mức kinh phí hoàn trả kinh phí phụ thuộc vào số lượng sản phẩm nghiên cứu đã hoàn thành so với cam kết.
3. Trường thành lập hội đồng đánh giá mức độ hoàn thành sản phẩm nghiên cứu để làm cơ sở xác định số kinh phí phải hoàn trả của NNC.
4. Trường NNC và các thành viên của nhóm khi bị buộc phải chấm dứt hoạt động sẽ không được tham gia NNC hoặc làm chủ nhiệm đề tài NCKH các cấp trong thời gian 02 năm, kể từ thời điểm ban hành quyết định chấm dứt hoạt động của nhóm.

Điều 22. Tổ chức thực hiện

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Đơn vị quản lý KHCN là đầu mối tổ chức, phối hợp với các đơn vị, cá nhân khác trong Trường để tổ chức thực hiện Quy định này.
3. Trong thực hiện Quy định này, nếu phát sinh bất cập cần sửa đổi hoặc bổ sung các đơn vị có trách nhiệm của Trường lập báo cáo trình Hiệu trưởng xem xét, quyết định.



TS. Nguyễn Anh Tuấn



ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP NHÓM NGHIÊN CỨU

Tại Trường Đại học Ngoại ngữ-Tin học Thành phố Hồ Chí Minh

Tổng thời gian hoạt động: .. năm, kể từ ngày có quyết định thành lập nhóm.

1. Tên gọi của nhóm nghiên cứu:

.....

Tên tiếng Anh:

2. Hướng nghiên cứu của nhóm:

.....

Thuộc lĩnh vực nghiên cứu:

.....

Từ khóa thuộc lĩnh vực chuyên môn nghiên cứu (tối đa 10 từ):

.....

3. Kế hoạch thời gian và nội dung nghiên cứu của nhóm:

.....

.....

4. Danh sách các thành viên đăng ký vào nhóm nghiên cứu:

STT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Điện thoại email	Chức trách	Chữ ký xác nhận
1			Số đt, email	Trưởng nhóm	
2				Thành viên	

5. Cam kết hoạt động và sản phẩm qua thời gian nhóm hoạt động: (theo Phụ lục I).

TP HCM ngày tháng năm 20 ..

TM nhóm nghiên cứu
(Ghi rõ họ tên và chữ ký)

PHỤ LỤC I

Kế hoạch hoạt động và sản phẩm(x)..... trong thời gian từ đến

STT	A. Hoạt động khoa học và đào tạo	Số lượng cam kết	Ghi chú ^a	
1	Đề tài NCKH hoặc dự án hợp tác triển khai ứng dụng KHCN		ít nhất 1 đề tài NCKH hoặc 1 dự án triển khai ứng dụng	
2	Chủ trì, tổ chức, tham gia các diễn đàn khoa học trong nước hoặc nước ngoài		chủ trì tổ chức ít nhất 1 hội thảo ^c cấp trường [#]	
3	Số luận văn, luận án do các thành viên của nhóm hướng dẫn thành công		hướng dẫn [*] ít nhất 02 LV ThS ^M , hay 1 LA TS ^D	
STT	B. Loại sản phẩm, công trình	Số lượng cam kết	Số điểm công trình	Ghi chú ^b
1	Bài báo trên các tạp chí quốc tế thuộc ISI, Scopus, ESCI, SSCI, ACI, A&HCI,...			
2	Bài báo trên tạp chí ngành, chuyên ngành được tính từ 0,5 đến 1,0 điểm công trình			
3	Báo cáo đăng toàn văn ở kỳ yếu hội thảo chuyên ngành quốc gia, quốc tế uy tín			
4	Sách chuyên khảo, giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ khoa học và đào tạo			
5	Sản phẩm khác, ghi tên sản phẩm: sáng kiến, sáng chế KH&CN, sở hữu trí tuệ,..			

Tổng điểm sản phẩm và công trình:

a. Các khoản trong mục A là điều kiện cần về hoạt động của nhóm. Trong đó,

- Ghi chú ở (#) có thể được thay bởi: hàng năm, mỗi thành viên của nhóm tham gia báo cáo ở ít nhất 01 hội nghị, hội thảo khoa học.

- Với nhóm nghiên cứu giảng dạy, (*) có thể thay bằng: mỗi năm, thành viên của nhóm hướng dẫn ít nhất một khóa luận tốt nghiệp đại học.

Để định rõ trị số ở cột 3 cần chú thích: ^C, ^M, ^D, [#], ^{*}, ngay sau số lượng cam kết.

b. Số điểm công trình tính theo Hướng dẫn trong Phụ lục II của văn bản này. Điểm công trình đăng ký của nhóm, tính trong 3 năm hoạt động, tối thiểu là 7.

c. Bản tổng hợp kế hoạch hoạt động trên đây dùng để đăng ký cho toàn bộ thời gian nhóm hoạt động và hoạt động theo năm của nhóm. Báo cáo tổng hợp kết quả đạt được của nhóm qua từng thời kỳ cũng dùng chung khuôn mẫu này, trong đó (x) được ghi là: đăng ký hay đạt được. Dự toán kinh phí hàng năm của nhóm được trưởng nhóm lập theo kế hoạch hoạt động/năm của nhóm và gửi về Ban KH-HT-SDH để trình phê duyệt.



PHỤ LỤC II

Hướng dẫn tính điểm công trình đối với các sản phẩm KHCN

Điểm công trình là điểm để đánh giá về công trình, sản phẩm. Điểm số này phản ánh chất lượng công trình, được xác định bằng một giá trị trong khoảng định trước về điểm tối thiểu, tối đa đối với mỗi công trình. Thí dụ, nếu khoảng chỉ định từ 0,5 đến 1,0 điểm thì điểm công trình có thể là 0,75 tùy cách đánh giá chất lượng thực tế của công trình.

1. Đối với sách phục vụ đào tạo được xuất bản với ISBN, việc tính điểm dựa trên các quy định về tính điểm của các hội đồng xét đạt chức danh GS, PGS, trong đó:

- Sách chuyên khảo được tính tối đa 3,0 điểm/đầu sách.
- Sách giáo trình được tính tối đa đến 2,0 điểm/đầu sách.
- Sách tham khảo được tính tối đa đến 1,5 điểm/đầu sách.
- Sách hướng dẫn hoặc từ điển chuyên ngành, tính tối đa đến 1,0 điểm/đầu sách.

Nếu sách do nhà xuất bản uy tín trên thế giới xuất bản được cộng thêm 25% số điểm đã tính ứng với loại sách đó khi xuất bản trong nước.

- Mỗi chương sách phục vụ đào tạo do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản được tính tối đa 1 điểm.

2. Đối với các sản phẩm khác, tùy loại sản phẩm được tính điểm công trình như sau:

- Mỗi kết quả ứng dụng khoa học, kỹ thuật công nghệ đã nhận bằng sáng chế được tính từ 1 đến 3 điểm.

- Mỗi giải pháp hữu ích đã có ứng dụng hiệu quả trong thực tiễn quản lý nhà nước hoặc trong đổi mới quản lý và phát triển kinh tế – xã hội được tính từ 1 đến 2 điểm.

- Mỗi thành tích huân luyện người dự thi và đạt được giải thưởng quốc gia được tính tối đa 1,0 điểm, nếu là giải thưởng quốc tế được tính tối đa đến 1,5 điểm.

3. Các bài báo được đăng trong các tạp chí hay kỷ yếu hội nghị, hội thảo, việc tính điểm dựa trên Hướng dẫn tính điểm công trình của Hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước đã đăng tải trên website sta.huflit.edu.vn.

Điểm công trình đăng ký của nhóm là tổng điểm công trình ước tính đối với các loại sản phẩm cam kết, là cơ sở để xếp hạng đăng ký chất lượng hoạt động của nhóm.